

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **116/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 04-8-2022
V/v “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Sen.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Nhượng;
2. Bà Nguyễn Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Võ Nhật L, sinh năm 1988;
 2. *Bị đơn:* chị Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1988;
- Cùng địa chỉ: tổ dân phố T, thị trấn P, huyện S, tỉnh N.
Tại phiên tòa, các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - anh Võ Nhật L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Bùi Thị Thanh T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện S, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 28/4/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng từ năm 2020 đến nay không thể hàn gắn được. Nay anh thấy vợ chồng

không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên anh xin được ly hôn với chị T.

Về con chung: có 02 con chung tên Võ Nhật Diễm M, sinh ngày 29/3/2017 và Võ Thị Kiều N, sinh ngày 22/10/2019. Khi ly hôn anh thống nhất giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh chịu trách nhiệm cấp dưỡng để chị T nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000 đồng/cháu, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2022 cho đến khi cháu M, cháu N đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - chị Bùi Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị thống nhất với lời trình bày của anh L về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Chị thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng không đến mức trầm trọng và hứa sẽ thay đổi tính tình để vợ chồng chung sống hạnh phúc nên chị tha thiết mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Hiện tại chị không mang thai.

Về con chung: thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Võ Nhật Diễm M, sinh ngày 29/3/2017 và Võ Thị Kiều N, sinh ngày 22/10/2019. Trường hợp ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi tháng 10.000.000 đồng/cháu, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2022 cho đến khi cháu M, cháu N đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Bùi Thị Thanh T có nơi cư trú tại tổ dân phố T,

thị trấn P, huyện S, tỉnh N. Anh Võ Nhật L xin ly hôn với chị T và yêu cầu giải quyết nuôi con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh N theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: anh L và chị T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn Đông Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 28/4/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Anh L và chị T đều khai: quá trình chung sống giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh L xin ly hôn, còn chị T xin đoàn tụ. Tại phiên tòa, chị T trình bày mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, chị vẫn còn thương yêu chồng con nên xin Tòa án giải quyết cho đoàn tụ, nhưng anh L vẫn cương quyết xin ly hôn vì anh thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh L, chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: anh L và chị T có 02 con chung tên là Võ Nhật Diễm M, sinh ngày 29/3/2017 và Võ Thị Kiều N, sinh ngày 22/10/2019. Anh L và chị T đều thống nhất giao các cháu M, N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 10.000.000 đồng/cháu, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2022 đến khi con cháu M, cháu N đủ 18 tuổi, trưởng thành. Xét thấy, sự thỏa thuận trên là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần giao cháu M và cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành; anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M và cháu N mỗi tháng 10.000.000 đồng/cháu, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2022 đến khi cháu M, cháu N đủ 18 tuổi, trưởng thành là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: các đương sự đều khai không có.

[6]. Về án phí: anh L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Nhật L về "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*".

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Võ Nhật L và chị Bùi Thị Thanh T.

2. Về con chung: giao các cháu Võ Nhật Diễm M, sinh ngày 29/3/2017 và Võ Thị Kiều N, sinh ngày 22/10/2019 cho chị Bùi Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng để chị T nuôi cháu M và cháu N mỗi tháng 10.000.000 đồng/cháu, phương thức cấp dưỡng theo hằng tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2022 cho đến khi cháu M, cháu N đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng anh Võ Nhật L phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh L đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004674 ngày 16/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh N. Anh L có nghĩa vụ tiếp tục nộp số tiền án phí còn lại là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND TT. Đông Phú, huyện Quế Sơn
(Giấy CNKH số 61 ngày 24/11/2020);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Sen

